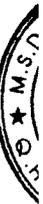


**Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng
Việt Nam**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét

Ngày 30 tháng 6 năm 2014



Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 3
Báo cáo của Ban Điều hành	4
Báo cáo về kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	5 - 8
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	9 - 11
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	12
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	13 - 14
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	15 - 82

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG

NGÂN HÀNG

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam ("Ngân hàng") là ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Ngân hàng được thành lập ngày 1 tháng 10 năm 2013 từ việc hợp nhất Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam ("PVFC") và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Tây ("WTB") theo Quyết định số 2018/2013/QĐ-NHNN ngày 12 tháng 9 năm 2013 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNN"), trong đó:

- ▶ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam tiền thân là Công ty Tài chính Dầu khí – là thành viên 100% vốn Nhà nước thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, được cổ phần hóa theo Quyết định số 3002/QĐ-DKVN ngày 22 tháng 8 năm 2007 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc "Phê duyệt phương án và chuyển Công ty Tài chính Dầu khí thành Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam". PVFC chính thức đi vào hoạt động dưới hình thức là công ty cổ phần từ ngày 18 tháng 3 năm 2008 theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 0103023045 ngày 18 tháng 3 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và Giấy phép hoạt động số 72/2008/GP-NHNN ngày 18 tháng 3 năm 2008 của Thống đốc NHNN. Từ đó đến ngày 30 tháng 9 năm 2013, PVFC hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0101057919 điều chỉnh lần thứ 11 ngày 6 tháng 7 năm 2012.
- ▶ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Tây được thành lập theo Giấy phép hoạt động số 0016/NH-GP do Thống đốc NHNN cấp vào ngày 6 tháng 4 năm 1992 và Giấy phép thành lập công ty số 124/NH-ĐKKD do Ủy ban Nhân dân tỉnh Cần Thơ cấp vào ngày 28 tháng 4 năm 1992 và được chấp thuận chuyển đổi từ ngân hàng thương mại cổ phần nông thôn thành ngân hàng thương mại cổ phần theo Quyết định số 1199/QĐ-NHNN do Thống đốc NHNN cấp vào ngày 5 tháng 6 năm 2007 và đổi tên thành Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Tây theo Quyết định số 1048/QĐ-NHNN do Thống đốc NHNN cấp vào ngày 28 tháng 4 năm 2010.

Từ ngày 1 tháng 10 năm 2013, PVFC và WTB chính thức chấm dứt hoạt động và chuyển giao toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của mình cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam. Hiện nay, Ngân hàng đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0101057919 ngày 1 tháng 10 năm 2013.

Ngân hàng được thành lập nhằm thực hiện các giao dịch ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ; các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế; chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác; cung ứng các dịch vụ thanh toán và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNN cho phép.

Mạng lưới hoạt động

Ngân hàng có trụ sở chính đặt tại 22 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Vào thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2014, Ngân hàng có một (1) Hội sở chính, ba mươi tư (34) chi nhánh, sáu mươi bảy (67) phòng giao dịch và bốn (4) quỹ tiết kiệm trên khắp cả nước.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

NGÂN HÀNG (tiếp theo)

Công ty con

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Ngân hàng có năm (5) công ty con như sau:

STT	Tên công ty	Giấy phép đăng ký kinh doanh	Lĩnh vực hoạt động	Tỷ lệ % sở hữu của Ngân hàng
1	Công ty Cổ phần Mỹ Khê Việt Nam	4300402211 cấp lần đầu ngày 29 tháng 12 năm 2008 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi	Du lịch	99,95%
2	Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI) (*)	0103014903 cấp lần đầu ngày 14 tháng 12 năm 2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội	Chứng khoán	40,96%
3	Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Tài chính Dầu khí (PVFC Capital) (*)	23/UBCK-GP ngày 14 tháng 12 năm 2007 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	Quản lý quỹ	47,00%
4	Công ty TNHH MTV Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam (AMC)	1800805372 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp lần đầu vào ngày 21 tháng 2 năm 2009	Quản lý tài sản	100%
5	Công ty Cổ phần Đầu tư Láng Hạ	0101967509 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 24 tháng 10 năm 2011	Bất động sản	94,00% (Sở hữu gián tiếp qua AMC)

(*) Ngân hàng nắm giữ quyền kiểm soát chi phối các chính sách hoạt động và tài chính của PSI và PVFC Capital.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 và tại thời điểm lập báo cáo này gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Đình Lâm	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 6 tháng 9 năm 2013
Ông Vũ Huy An	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 6 tháng 9 năm 2013
Ông Trịnh Hữu Hiền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 6 tháng 9 năm 2013
Ông Đoàn Minh Mẫn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 6 tháng 9 năm 2013
Ông Nguyễn Khuyến Nguồn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 6 tháng 9 năm 2013
Ông Võ Trọng Thủy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 6 tháng 9 năm 2013
Ông Lê Minh Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 6 tháng 9 năm 2013

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 và tại thời điểm lập báo cáo này gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Hải An	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 6 tháng 9 năm 2013
Ông Nguyễn Văn Trung	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 6 tháng 9 năm 2013
Bà Bùi Thu Hương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 6 tháng 9 năm 2013
Bà Đào Kim Hải	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 6 tháng 9 năm 2013
Bà Nguyễn Thị Hương Nga	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2014

BAN ĐIỀU HÀNH VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên Ban Điều hành và Kế toán Trưởng cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 và tại thời điểm lập báo cáo này gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Nguyễn Thiện Bảo	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2014
Bà Nguyễn Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2014
Ông Nguyễn Hoàng Linh	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2014
Ông Nguyễn Hoàng Nam	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2014
Ông Dương Xuân Quang	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2014
Ông Ngô Ngọc Quang	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2014
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2014
Ông Phạm Huy Tuyên	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2014
Ông Nguyễn Quốc Khánh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2014
Ông Nguyễn Việt Hà	Giám đốc phụ trách khối Nguồn vốn và Thị trường Tài chính	Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2014
Ông Đoàn Đức Minh	Giám đốc phụ trách khối KHCN kiêm Phó Ban Chiến lược	Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2014
Bà Võ Thị Hoàng Yến	Phó Giám đốc phụ trách khối QTNNL	Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2014
Ông Đặng Thế Hiền	Kế toán Trưởng	Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2014

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 và tại thời điểm lập báo cáo này là ông Nguyễn Đình Lâm, chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Ông Nguyễn Hoàng Linh, Phó Tổng Giám đốc được ông Nguyễn Đình Lâm, Chủ tịch Hội đồng Quản trị ủy quyền ký báo cáo tài chính của Ngân hàng theo Điều lệ Hoạt động của Ngân hàng.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Ngân hàng.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam ("Ngân hàng") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Ngân hàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Điều hành của Ngân hàng chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Ngân hàng cho từng giai đoạn tài chính. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Điều hành của Ngân hàng cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Ngân hàng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Ngân hàng sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành của Ngân hàng chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Ngân hàng, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Điều hành của Ngân hàng cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Ngân hàng và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành của Ngân hàng cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014.

CÔNG BỐ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Theo ý kiến của Ban Điều hành của Ngân hàng, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Ngân hàng vào ngày 30 tháng 6 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và các quy định của Ngân hàng Nhà nước có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt Ban Điều hành:

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 25 tháng 9 năm 2014



Building a better
working world

Ernst & Young Vietnam Limited Tel: + 84 4 3831 5100
8th Floor, CornerStone Building Fax: + 84 4 3831 5090
16 Phan Chu Trinh Street ey.com
Hoan Kiem District
Hanoi, S.R. of Vietnam

Số tham chiếu: 61064100/30062014/EY/PVcomBank

BÁO CÁO VỀ KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Các Cổ đông**
 Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam ("Ngân hàng") được trình bày từ trang 9 đến trang 82, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Điều hành Ngân hàng. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo về kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 – Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có sự đảm bảo vừa phải về việc liệu báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có còn các sai sót trọng yếu hay không. Công tác soát xét chủ yếu bao gồm việc trao đổi với nhân sự của Ngân hàng và áp dụng các thủ tục phân tích đối với những thông tin tài chính. Do đó, công tác soát xét cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

1. Như đã trình bày tại Thuyết minh số 11 – Ứng trước cho khách hàng, tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 Ngân hàng có một số hợp đồng ủy thác đầu tư trả chậm và ứng trước ủy quyền bán đã đến hạn thanh toán nhưng các nhà đầu tư không nhận lại danh mục đầu tư và chưa hoàn trả số tiền đã nhận ứng trước là 581.268.930.631 đồng và phí ứng trước là 116.000.083.566 đồng (Thuyết minh số 16 - Các khoản lãi, phí phải thu). Ngân hàng đã trích lập dự phòng với số tiền là 267.139.867.428 đồng cho toàn bộ khoản phí ứng trước và một phần giá trị khoản ứng trước cho khách hàng nêu trên. Đồng thời, Ngân hàng đã ký kết hợp đồng bán danh mục đầu tư tương ứng của các khoản ứng trước này. Tuy nhiên, do hợp đồng bán danh mục đầu tư này vẫn đang trong quá trình thực hiện và sẽ chỉ được hoàn tất vào năm 2015 theo như thỏa thuận trong hợp đồng hiện tại nên chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để xác định giá trị có thể được thu hồi từ hợp đồng này. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu số dự phòng đã trích lập đối với khoản ứng trước cho khách hàng và phí ứng trước nói trên tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 có cần được điều chỉnh hay không.
2. Như trình bày tại Thuyết minh số 10.1 – Phân tích chất lượng nợ cho vay, tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Ngân hàng có một số khách hàng vay cần được chuyển sang nhóm nợ có rủi ro cao hơn theo các quy định về phân loại nợ đang được áp dụng tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Dựa trên kết quả rà soát danh mục cho vay của Ngân hàng theo phương pháp chọn mẫu, nếu Ngân hàng thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng theo đúng các quy định này thì tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, số dư dự phòng rủi ro tín dụng sẽ tăng lên 18.209.809.778 đồng, số dư dự thu sẽ giảm đi 216.089.231.874 đồng, và vốn chủ sở hữu sẽ giảm đi 182.818.772.488 đồng. Đồng thời, lợi nhuận sau thuế cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Ngân hàng sẽ giảm đi 27.025.433.128 đồng. Như trình bày tại Thuyết minh số 14.1 – Góp vốn đầu tư dài hạn, cho đến ngày 25 tháng 9 năm 2014, Ngân hàng đã bán xong khoản góp vốn đầu tư dài hạn vào Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí và đã sử dụng khoản lợi nhuận 180.315.866.451 đồng thu được và các khoản cổ tức 53.012.080.000 đồng từ các khoản đầu tư dài hạn để thực hiện bù đắp ảnh hưởng của vấn đề nêu trên.



Building a better
working world

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ (tiếp theo)

3. Như trình bày tại Thuyết minh số 14 – Góp vốn đầu tư dài hạn, tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, khi phản ánh giá trị của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí ("PSI"), công ty con, trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ngân hàng chưa tính đến ảnh hưởng của khoản dự phòng mà PSI cần phải trích lập từ năm 2011 cho các khoản đầu tư vào cổ phiếu chưa niêm yết và các khoản ủy thác đầu tư vào cổ phiếu chưa niêm yết mà PSI còn nắm giữ đến cuối kỳ kế toán. Nếu Ngân hàng xem xét và ghi nhận ảnh hưởng của khoản dự phòng này thì tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, số dư dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào công ty con sẽ tăng lên 24.208.834.918 đồng, và vốn chủ sở hữu sẽ giảm đi cùng một số tiền. Đồng thời, lợi nhuận sau thuế cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 sẽ giảm đi 18.882.891.236 đồng.
4. Như trình bày tại Thuyết minh số 14 – Góp vốn đầu tư dài hạn, tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Ngân hàng có khoản đầu tư vào một công ty con là Công ty Cổ phần Mỹ Khê Việt Nam ("Mỹ Khê") với giá gốc 210.000.000.000 đồng. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Mỹ Khê đang ghi nhận một khoản lãi phải trả cho Ngân hàng với số tiền là 153.235.625.000 đồng liên quan đến hợp đồng ủy thác của Ngân hàng cho Mỹ Khê từ năm 2010 trên khoản mục "*Chi phí trả trước ngắn hạn*" trên bảng cân đối kế toán thay vì hạch toán khoản lãi phải trả này vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh. Khi phản ánh giá trị của khoản đầu tư vào Mỹ Khê trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Ngân hàng chưa tính đến ảnh hưởng của bút toán điều chỉnh cần phải thực hiện liên quan đến sai sót nói trên. Nếu Ngân hàng ghi nhận ảnh hưởng của vấn đề này thì tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, số dư dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào công ty con sẽ tăng thêm 114.872.017.789 đồng và vốn chủ sở hữu của Ngân hàng sẽ giảm đi cùng một số tiền.

Ngoài ra, Mỹ Khê cũng chưa trích lập dự phòng đầy đủ cho một số khoản đầu tư tài chính ngắn hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2014. Khi phản ánh giá trị của khoản đầu tư vào Mỹ Khê trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Ngân hàng chưa tính đến ảnh hưởng của bút toán điều chỉnh (nếu có) cần phải thực hiện liên quan đến dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính của Mỹ Khê. Chúng tôi không thể thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá giá trị có thể thu hồi và số dự phòng cần phải trích lập đối với các khoản đầu tư tài chính này của Mỹ Khê cũng như ảnh hưởng của vấn đề này đến lợi nhuận thuần trong kỳ, lợi nhuận để lại và vốn chủ sở hữu của công ty con này tại ngày 30 tháng 6 năm 2014. Vì vậy, chúng tôi cũng không thể xác định được ảnh hưởng của vấn đề này đến số dư dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào công ty con và các khoản mục liên quan trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Ngân hàng.

5. Như đã trình bày tại Thuyết minh số 16.2 – Các khoản phải thu, tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Ngân hàng đang ghi nhận các chi phí tư vấn phát sinh trong năm 2008 liên quan đến việc niêm yết cổ phiếu của Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam trên sàn chứng khoán Singapore với tổng giá trị là 13.342.954.106 đồng. Ngân hàng chưa hoàn thành thủ tục quyết toán với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và chưa ghi nhận các chi phí này vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Ngân hàng tại thời điểm phát sinh. Nếu được ghi nhận, khoản mục này làm giảm vốn chủ sở hữu của Ngân hàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 một khoản là 10.407.504.203 đồng.
6. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Ngân hàng đang ghi nhận một số khoản lãi và phí phải thu với tổng giá trị là 273.424.284.181 đồng chưa được thanh toán khi đến hạn. Theo Thông tư số 05/2013/TT-BTC về hướng dẫn chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có hiệu lực từ ngày 25 tháng 2 năm 2013, các khoản doanh thu không thu được khi đến hạn cần phải được thoái thu hoặc ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trong trường hợp Ngân hàng hạch toán dự thu tuân thủ Thông tư số 05/2013/TT-BTC, tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, số dư lãi phải thu sẽ giảm đi 273.424.284.181 đồng và vốn chủ sở hữu sẽ giảm đi là 213.270.941.661 đồng. Như trình bày tại Thuyết minh số 14.1 – Góp vốn đầu tư dài hạn, cho đến ngày 25 tháng 9 năm 2014, Ngân hàng đã bán xong khoản góp vốn đầu tư dài hạn vào Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí và đã sử dụng khoản lợi nhuận 350.236.121.834 đồng thu được để thực hiện bù đắp ảnh hưởng của vấn đề nêu trên.



Building a better
working world

Kết luận ngoại trừ

Dựa trên cơ sở kết quả công tác soát xét, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Ngân hàng vào ngày 30 tháng 6 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Tài khoản Kế toán các Tổ chức Tín dụng và tuân thủ các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

1. Như trình bày tại Thuyết minh số 12.1 – Dự phòng rủi ro cho vay và ứng trước cho khách hàng, căn cứ vào văn bản chỉ đạo của cơ quan quản lý Nhà nước về xem xét khoanh nợ, cơ cấu lại các khoản nợ của Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam (Vinashin, nay là Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy - SBIC) và Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam (Vinalines), tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Ngân hàng đã giữ nguyên trạng thái nợ đối với các khoản nợ đã cấp cho các đơn vị của SBIC từ năm 2009 và của Vinalines từ năm 2011 với tổng dư nợ là 2.460.405.271.093 đồng. Các khoản nợ này bao gồm khoản nợ của Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Việt Nam (Falcon) và Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn dương Vinashin (Vinashinlines) là hai công ty thuộc đối tượng sẽ thực hiện phá sản doanh nghiệp theo Thông báo số 243/TB-VPCP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Văn phòng Chính phủ liên quan đến việc triển khai Đề án tái cơ cấu của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2014, Ngân hàng đã trích lập dự phòng cho các khoản dư nợ nêu trên là 64.223.901.948 đồng dựa vào khả năng tài chính của Ngân hàng theo các văn bản hướng dẫn chỉ đạo của cơ quan quản lý Nhà nước.
2. Như trình bày tại Thuyết minh số 10.1 – Phân tích chất lượng nợ cho vay, tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Ngân hàng có một số khách hàng vay hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực bất động sản và vận tải biển (bao gồm cả SBIC và Vinalines) với tổng dư nợ lần lượt là 3.120.442.483.808 đồng và 6.830.338.731.238 đồng đang được phân loại theo kết quả phân loại nợ tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2013 theo Đề án hợp nhất đã được Ngân hàng Nhà nước phê duyệt. Do đó, mặc dù một số khoản nợ của các khách hàng nêu trên cần được chuyển sang nhóm nợ có rủi ro cao hơn theo các quy định hiện tại về phân loại nợ, Ngân hàng không thực hiện phân loại lại nhóm nợ, không trích lập dự phòng bổ sung và không thoái thu số lãi dự thu tương ứng tại ngày 30 tháng 6 năm 2014.
3. Như trình bày tại Thuyết minh số 13.1 – Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán và Thuyết minh số 13.2 – Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn, tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Ngân hàng có một số khoản nợ gốc và lãi đang bị quá hạn. Cho đến ngày 25 tháng 9 năm 2014, Ngân hàng đã chấp thuận chủ trương tái cơ cấu nợ đối với các khách hàng nêu trên và đang trong quá trình hoàn chỉnh và xúc tiến phương án thực hiện chủ trương này. Ngân hàng đánh giá Ngân hàng hoàn toàn có khả năng thu hồi đầy đủ cả gốc và lãi của các khoản mục trên. Do đó, Ngân hàng không thực hiện phân loại lại nhóm nợ, trích lập dự phòng bổ sung và thoái thu số dự thu tương ứng tại ngày 30 tháng 6 năm 2014.
4. Như trình bày tại Thuyết minh số 16.4 – Tài sản có khác, tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, số dư các hợp đồng ủy thác đầu tư nhận lãi suất cố định bao gồm một số hợp đồng đã được gia hạn với tổng giá trị là 1.042.500.000.000 đồng. Ngân hàng đang áp dụng Thông tư số 228/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp ("Thông tư 228") để tính và trích lập dự phòng rủi ro cho các khoản mục này. Do Thông tư 228 không có quy định cụ thể về cách lập dự phòng cho các khoản phải thu trong trường hợp có gia hạn thanh toán, Ngân hàng phân loại các khoản phải thu liên quan đến các hợp đồng ủy thác đầu tư nói trên vào nhóm chưa quá hạn và không trích lập dự phòng phải thu khó đòi cho các khoản này.

Kết luận ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề trên.



Building a better
working world

Vấn đề khác

Ngày 1 tháng 10 năm 2013, Ngân hàng chính thức được thành lập từ việc hợp nhất Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Tây, do đó báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 không có thông tin so sánh.



Trần Xuân Đại

Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0452-2013-004-1

Đặng Phương Hà
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2400-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 25 tháng 9 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

	<i>Thuyết minh</i>	30/6/2014 VNĐ	31/12/2013 VNĐ
TÀI SẢN			
Tiền mặt	6	120.560.755.171	72.881.349.580
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	7	2.925.681.172.225	2.581.785.517.941
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	8	8.894.115.534.934	11.155.577.658.969
Tiền gửi tại các TCTD khác		5.439.712.106.068	5.232.570.530.103
Cho vay các TCTD khác		3.488.337.369.135	5.967.765.369.135
Dự phòng rủi ro cho vay các TCTD khác		(33.933.940.269)	(44.758.240.269)
Chứng khoán kinh doanh		4.299	899
Chứng khoán kinh doanh		7.069	7.069
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(2.770)	(6.170)
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	9	7.099.730.000	5.241.550.000
Cho vay và ứng trước cho khách hàng		37.009.540.866.149	40.356.773.293.241
Cho vay khách hàng	10	37.717.721.069.402	41.118.606.613.939
Ứng trước cho khách hàng	11	661.099.200.631	661.099.200.631
Dự phòng rủi ro cho vay và ứng trước cho khách hàng	12	(1.369.279.403.884)	(1.422.932.521.329)
Chứng khoán đầu tư	13	13.059.324.869.687	13.480.347.075.046
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	13.1	9.394.340.127.267	10.780.672.526.303
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	13.2	3.813.010.474.689	2.870.142.732.011
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư		(148.025.732.269)	(170.468.183.268)
Góp vốn đầu tư dài hạn	14	3.022.735.269.292	3.019.178.742.972
Đầu tư vào công ty con	14.1	708.858.347.839	684.112.330.244
Đầu tư góp vốn dài hạn khác	14.2	2.407.124.189.197	2.407.116.355.597
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(93.247.267.744)	(72.049.942.869)
Tài sản cố định	15	597.460.661.564	629.678.542.659
Tài sản cố định hữu hình	15.1	351.959.961.502	376.312.693.873
Nguyên giá tài sản cố định		575.640.288.381	571.459.542.743
Hao mòn tài sản cố định		(223.680.326.879)	(195.146.848.870)
Tài sản cố định vô hình	15.2	245.500.700.062	253.365.848.786
Nguyên giá tài sản cố định		295.676.308.946	294.912.562.706
Hao mòn tài sản cố định		(50.175.608.884)	(41.546.713.920)
Tài sản có khác	16	28.577.857.505.534	29.354.858.681.120
Các khoản phải thu		9.182.311.722.750	9.502.232.383.317
Các khoản lãi, phí phải thu		7.303.707.962.840	6.608.001.662.222
Tài sản có khác		12.470.418.983.174	13.675.091.412.457
Dự phòng rủi ro cho các tài sản có nội bảng khác		(378.581.163.230)	(430.466.776.876)
TỔNG TÀI SẢN		94.214.376.368.855	100.656.322.412.427

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam

B02a/TCTD

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

	<i>Thuyết minh</i>	30/6/2014 VNĐ	31/12/2013 VNĐ
NỢ PHẢI TRẢ			
Tiền gửi và vay các TCTD khác	17	13.782.050.230.871	19.054.521.806.455
Tiền gửi của các TCTD khác		5.843.984.224.354	7.197.054.278.336
Vay các TCTD khác		7.938.066.006.517	11.857.467.528.119
Tiền gửi của khách hàng	18	55.706.044.430.039	49.181.054.074.896
Vốn nhận tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay chịu rủi ro	19	39.209.904.337	4.455.753.063.766
Phát hành giấy tờ có giá		20.124.600	26.103.600
Các khoản nợ khác		14.954.187.569.593	18.270.681.688.312
Các khoản lãi, phí phải trả		732.480.965.774	1.084.837.553.471
Các khoản phải trả và công nợ khác	20	14.178.822.026.749	17.149.045.590.357
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	21.2	10.297.764.596	18.448.218.583
Dự phòng rủi ro khác	12.2	32.586.812.474	18.350.325.901
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		84.481.512.259.440	90.962.036.737.029
VỐN CHỦ SỞ HỮU			
Vốn		8.993.434.350.000	8.993.434.350.000
Vốn điều lệ		9.000.000.000.000	9.000.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần		2.000.000.000	2.000.000.000
Cổ phiếu quỹ		(8.565.650.000)	(8.565.650.000)
Các quỹ dự trữ		531.401.604.524	480.897.604.524
Chênh lệch tỷ giá hối đoái		(8.969.350.663)	-
Lợi nhuận chưa phân phối		216.997.505.554	219.953.720.874
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	22	9.732.864.109.415	9.694.285.675.398
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		94.214.376.368.855	100.656.322.412.427

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

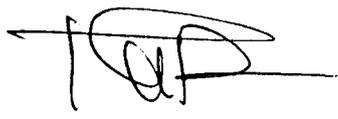
<i>Thuyết minh</i>	30/6/2014 VNĐ	31/12/2013 VNĐ
Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn	4.061.355.973.774	2.164.988.273.597
Cam kết trong nghiệp vụ L/C	651.938.962.244	121.240.599.569
Bảo lãnh	3.409.417.011.530	2.043.747.674.028
Các cam kết đưa ra	2.771.205.815.521	2.763.322.767.187
Cam kết tài trợ cho khách hàng	470.535.315.521	310.187.947.187
Cam kết khác	2.300.670.500.000	2.453.134.820.000
34	6.832.561.789.295	4.928.311.040.784

Người lập:



Bà Trịnh Thị Loan
 Trưởng bộ phận báo cáo
 theo luật định

Người phê duyệt:



Ông Đặng Thế Hiển
 Kế toán Trưởng



Ông Nguyễn Hoàng Linh
 Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 25 tháng 9 năm 2014

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam

B03a/TCTD

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 VNĐ
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	23	1.996.173.027.450
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	24	(2.148.894.873.999)
Chi phí lãi thuần		(152.721.846.549)
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		27.626.811.280
Chi phí hoạt động dịch vụ		(28.916.569.747)
Lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ	25	(1.289.758.467)
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	26	20.318.183.210
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	27	70.451.953.460
Thu nhập từ hoạt động khác		669.565.571.923
Chi phí hoạt động khác		(43.766.307.417)
Lãi thuần từ hoạt động khác	28	625.799.264.506
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	29	11.258.368.000
TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG		573.816.164.160
TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	30	(532.270.502.623)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		41.545.661.537
Hoàn nhập dự phòng rủi ro tín dụng	8,12	18.736.170.489
TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ		60.281.832.026
Chi phí thuế TNDN hiện hành	21	(3.329.681.040)
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại		8.150.453.987
Thu nhập thuế TNDN		4.820.772.947
LỢI NHUẬN SAU THUẾ		65.102.604.973

Người lập:

Bà Trịnh Thị Loan
Trưởng bộ phận báo cáo
theo luật định

Người phê duyệt:

Ông Đặng Thế Hiến
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Nguyễn Hoàng Linh
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 25 tháng 9 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
 cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

	<i>Thuyết minh</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 VND</i>
LƯU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được		1.300.010.670.907
Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả		(2.508.481.955.059)
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được		7.114.664.299
Chênh lệch số tiền thực thu/(thực chi) từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, ngoại tệ		67.609.808.794
Thu nhập khác		668.581.983.301
Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xoá, bù đắp bằng nguồn dự phòng rủi ro	28	983.588.624
Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ		(570.650.654.754)
Tiền thuế thu nhập thực nộp trong kỳ	21	(35.360.961)
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng trong hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động		(1.034.867.254.849)
Những thay đổi về tài sản hoạt động		
Giảm các khoản tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác		8.237.048.342.069
Giảm các khoản về kinh doanh chứng khoán		2.925.067.000.000
Tăng các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		443.464.656.358
Giảm các khoản cho vay khách hàng		(1.858.179.999)
Sử dụng nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản nợ xấu	12.1	3.400.885.544.537
Giảm khác về tài sản hoạt động		(31.504.760.383)
Những thay đổi về công nợ hoạt động		1.500.994.081.556
Giảm các khoản tiền gửi và vay các TCTD		(6.133.536.545.581)
Tăng tiền gửi của khách hàng (bao gồm cả KBNN)		(5.272.471.575.584)
Giảm phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ giấy tờ có giá phát hành được tính vào hoạt động tài chính)		6.524.990.355.143
Giảm vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro		(5.979.000)
Giảm khác về công nợ hoạt động		(4.416.543.159.429)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(2.969.506.186.711)
LƯU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
Mua sắm tài sản cố định		1.068.644.541.639
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		(12.096.077.324)
Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		1.302.654.724
Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn		(24.753.851.195)
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng trong hoạt động đầu tư		11.258.368.000
		(24.288.905.795)

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam

B04a/TCTD

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

	<i>Thuyết minh</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
		VNĐ
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia		-
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng trong hoạt động tài chính		-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		1.044.355.635.844
Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm đầu kỳ	31	7.426.059.618.099
Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm cuối kỳ	31	8.470.415.253.943

Người lập:



Bà Trịnh Thị Loan
Trưởng bộ phận báo cáo theo
luật định

Người phê duyệt:



Ông Đặng Thế Hiển
Kế toán Trưởng



Ông Nguyễn Hoàng Linh
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 25 tháng 9 năm 2014